TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2025/ST-HNGĐ
Ngày 17/9/2025
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lữ Thị Dung
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thành; Bà Phạm Thị Anh .

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:33/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm 1993 -** Có mặt.
- **Bị đơn: Anh Kha Văn L - sinh năm 1988 -** vắng mặt.

Đều trú tại: Bản Đ, xã B, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị H trình bày: Chị Lê Thị H và anh Kha Văn L kết hôn vào ngày 25/8/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn, ham chơi, bạo lực gia đình, mặc dù gia đình đã khuyên nhủ, đưa anh L đi cai nghiện nhưng không thành công, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kha Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung Kha Trung D – sinh ngày 24/02/2011. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị H không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Kha Văn L đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H; Về con chung: Giao con chung Kha Trung D – sinh ngày 24/02/2011 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại Bản Đ, xã B, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị H và anh Kha Văn L tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Nghệ An cho biết, sau khi kết hôn vợ chồng chị H sinh sống tại bản Đình, xã B, huyện C (cũ) nay là xã B, tỉnh Nghệ An một thời gian ngắn rồi cùng nhau đi làm ăn ngoài địa phương thỉnh thoảng mới về nhà. Hiện tại anh L không có mặt ở địa phương đi đâu, làm gì, địa chỉ cụ thể thì chính quyền, địa

phương không biết. Trước khi đi anh L không khai báo thủ tục cắt thường trú. Tại biên bản lấy lời khai ông Kha Văn N - Trú tại Bản Đ, xã B, tỉnh Nghệ An là bố đẻ của anh Kha Văn L cho biết, sau khi chị H và anh L kết hôn thì sinh sống tại gia đình ông Nguyễn M thời gian, khoảng năm 2016 – 2017 vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ham chơi, tụ tập bạn bè, không biết lo lắng cho gia đình, năm 2017 anh L đi làm ăn xa thỉnh thoảng có gọi điện về thăm ông, dịp lễ, tết có về thăm gia đình, còn địa chỉ cụ thể của anh L thì ông không biết. Ông N đã nhận toàn bộ các văn bản tố tụng Tòa án đến tống đạt cho anh L và cam đoan sẽ giao tận tay, hoặc thông tin cho anh L biết để về giải quyết ly hôn, nếu anh L không về đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Như vậy, bị đơn anh Kha Văn L vắng mặt nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và cũng không xác định được nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tụng chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Kha Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Kha Văn L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Kha Văn L không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Lê Thị H và anh Kha Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh K văn L là hợp pháp.Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị H và anh L đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Kha Văn L vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị H và anh L có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho

đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh L không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh Kha Văn L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Kha Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H có 01 người con chung là Kha Trung D – sing ngày 24/02/2011, nếu ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh L không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh L nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị H là chính đáng, cháu D có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, và cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành.Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật. *Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Kha Văn L và chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung Kha Trung D – sing ngày 24/02/2011 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Kha Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị Lê Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã

nộp 300.000 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Con Cuông, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000870 ngày 16/6/2025.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 9;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đã ký

Lữ Thị Dung